

ĐỀ THI GIÁO LÝ - 2017

Thời gian làm bài: 60 phút

Chọn đáp án đúng nhất A, B, C, D hay E trong bảng trả lời.

PHẦN I. TÍN LÝ (14 câu – 28 điểm)

1. Tại sao con người khao khát Thiên Chúa ?
 - a. Vì Thiên Chúa đã khắc ghi vào trong tâm hồn con người sự khao khát gặp gỡ Ngài.
 - b. Vì Thiên Chúa không ngừng lôi kéo con người đến với Ngài.
 - c. Vì con người nhận thấy thế giới đầy xấu xa, tội lỗi, và chỉ có Thiên Chúa mới là Đấng thiện hảo.
 - d. Cả a và b.
 - e. Cả a, b và c.
2. Thiên Chúa mặc khải cho con người _____
 - a. về chính Ngài và công trình sáng tạo của Ngài trong sáu ngày.
 - b. về ý định của Ngài.
 - c. về chính Ngài và Thánh ý của Ngài.
 - d. về sự hiện hữu của Ngài và của vũ trụ do Ngài tạo dựng.
 - e. Cả a và d.
3. Trong thời Cựu Ước, Thiên Chúa mặc khải cho dân Israel, qua _____
 - a. tổ phụ Ápraham và ông Môsê.
 - b. tổ phụ Ápraham, ông Môsê và các ngôn sứ.
 - c. ông Môsê và các ngôn sứ (tiên tri).
 - d. tổ phụ Ápraham, ông Môsê, các thầy Lêvi và các ngôn sứ.
 - e. Ông Môsê, các ngôn sứ và các Rabbi Do Thái.
4. Hội thánh khuyến khích các Kitô hữu đọc Thánh Kinh, vì Thánh Kinh là nguồn mạch _____
 - a. chỉ dạy cách khoa học các chân lý cứu độ.
 - b. củng cố đức tin Kitô giáo.
 - c. nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng.
 - d. Cả b và c.
 - e. Cả a, b và c.
5. Trong đời sống cụ thể, tin vào Thiên Chúa có nghĩa là _____
 - a. chấp nhận chân lý do Thiên Chúa mặc khải.
 - b. cậy trông phó thác bản thân cho Thiên Chúa.
 - c. gắn bó bản thân với Thiên Chúa.
 - d. Cả b và c.
 - e. Cả a, b và c.
6. Kinh Thánh cho ta biết giá trị của thế giới thụ tạo hữu hình, và mục đích của nó là để _____
 - a. tôn vinh Thiên Chúa.
 - b. phục vụ thiên thần và con người.
 - c. phục vụ con người.
 - d. Cả a và c.
 - e. Cả a, b và c.
7. Con người là chóp đỉnh của các thụ tạo hữu hình, vì được tạo dựng _____, có khả năng nhận biết và yêu mến một cách tự do Đấng sáng tạo nên mình.
 - a. sau hết vào ngày thứ sáu của công trình tạo dựng.
 - b. theo hình ảnh Thiên Chúa.
 - c. có nam có nữ và được sống trong Vườn địa đàng.
 - d. sau các thiên thần.
8. Khi làm người, Đức Giêsu _____
 - a. có một thân xác thật sự, nhưng không có linh hồn.
 - b. chỉ có linh hồn, còn thân xác là ảo ảnh.
 - c. đảm nhận một thân xác thực sự, được một linh hồn nhân loại làm cho sinh động
 - d. chỉ có thân xác, được ân sủng của Thiên Chúa làm cho sinh động.
 - e. Cả a và d.
9. Trong Kinh Tin Kính, “*Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà Người xuống thai*” có nghĩa là Đức Trinh nữ Maria thụ thai Ngôi Lời _____
 - a. bởi tác động của Chúa Thánh Thần.
 - b. bởi sự cộng tác hữu hiệu của người nam, nhờ tác động của Chúa Thánh Thần.
 - c. không có sự cộng tác của người nam.
 - d. có sự cộng tác một phần của người nam
 - e. Cả a và c.

10. Đặc sủng là những ân huệ của Chúa Thánh Thần ban tặng cho _____ vì lợi ích của con người, vì những nhu cầu của thế giới và đặc biệt để xây dựng Hội Thánh.
- một số Kitô hữu
 - hết mọi Kitô hữu
 - những người đạo đức
 - các giáo sĩ và tu sĩ
 - Cả c và d.
11. Phần nào trong câu dưới đây cần phải loại bỏ?
Hội thánh mang đặc tính công giáo, vì Hội thánh _____
- loan báo sự toàn diện và toàn vẹn của đức tin.
 - gìn giữ và quản lý tất cả các phương tiện cứu độ.
 - được sai đến với mọi dân tộc, mọi văn hoá và mọi thời đại.
 - sẽ hoàn tất trong ngày cánh chung.
 - Cả b và c.
12. Các tín hữu là những người _____
- từ bỏ mọi sự mà theo Chúa Kitô.
 - nhờ bí tích Rửa tội, được tháp nhập vào Đức Kitô, trở nên thành phần của Hội thánh.
 - thực thi chức tư tế thừa tác, nhân danh Chúa Kitô.
 - Cả a, b và c.
 - Cả a và b.
13. Đức Maria điễm phúc được sùng kính cách đặc biệt trong Hội thánh qua các cử hành phụng vụ và kinh nguyện. Việc sùng kính này _____ việc tôn thờ Thiên Chúa.
- khác hẳn với
 - tương tự như
 - có cùng tính chất như
 - không hoàn toàn giống như
14. Thiên đàng là _____ dành cho những ai đã chết trong ân sủng của Thiên Chúa và không cần đến bất kỳ sự thanh luyện nào nữa.
- một nơi chốn trên không trung
 - tình trạng hạnh phúc tối thượng và vĩnh viễn
 - phần thưởng tạm thời cho đến ngày cánh chung
 - do sự tưởng tượng của các Kitô hữu
 - Cả a và b

PHẦN II. PHỤNG VỤ - CÁC BÍ TÍCH (12 câu – 24 điểm)

15. Các Bí tích là những dấu chỉ khả giác và hữu hiệu của ân sủng, do _____ thiết lập và ủy thác cho Hội thánh.
- Ba Ngôi Thiên Chúa
 - Chúa Cha
 - Chúa Kitô
 - Chúa Thánh Thần
16. Trong việc cử hành Bí tích, _____ không thể tách rời nhau vì cả hai vừa là dấu chỉ vừa là giáo huấn, đồng thời thực hiện điều chúng biểu thị.
- lời đọc và tâm tình
 - cử chỉ và ý thức
 - lời đọc và cử chỉ
 - lời đọc và ý thức
 - Cả a và b.
17. Trong năm Phụng vụ, Hội thánh cử hành toàn thể Mầu nhiệm Đức Kitô, từ lúc Người nhập thể cho đến ngày Người _____
- chết trên thập giá.
 - phục sinh vinh hiển.
 - trở về trời với Chúa Cha.
 - lại đến trong vinh quang.
 - Cả a, b, c và d.
18. Trong cử hành phụng vụ, có những yếu tố bất biến vì được _____
- Đức Kitô thiết lập.
 - Đức Kitô và Hội thánh thiết lập.
 - Hội thánh thiết lập theo lệnh truyền của Đức Kitô.
 - Hội thánh trung thành gìn giữ.
 - Cả a và d.
19. Bí tích Rửa tội cần thiết cho ơn cứu độ đối với những người _____ và những người có khả năng xin lãnh nhận Bí tích này.
- đã có lần đến nhà thờ
 - đã được nghe rao giảng Tin Mừng
 - đã từng gặp người có đạo
 - lâm cơn nguy tử
 - Cả a và c.

20. Nghi thức chính yếu của Bí tích Thêm sức là việc _____ lên trán, việc đặt tay và lời đọc của thừa tác viên: “Hãy lãnh nhận ấn tín ơn Chúa Thánh Thần”.
- xức Dầu thánh
 - xức dầu ôliu
 - xức Dầu dự tòng
 - xức dầu ôliu đã được làm phép
 - Cả a và d.
21. Bí tích Thánh Thể được cử hành gồm hai phần chính, hợp thành một hành vi phụng tự duy nhất: Phụng vụ Lời Chúa gồm việc công bố và lắng nghe Lời Chúa, và Phụng vụ Thánh Thể gồm việc tiến dâng bánh rượu, _____ và hiệp lễ.
- kinh Tiền tụng
 - lời Truyền phép
 - kinh nguyện Thánh Thể
 - kinh Tiền tụng và lời Truyền phép
 - kinh tiền tụng, lời Truyền phép, kinh Lạy Cha
22. Trong bí tích Thánh Thể, Đức Kitô trọn vẹn, _____, hiện diện theo cách bí tích, nghĩa là dưới hình bánh và hình rượu.
- vừa là Thiên Chúa vừa là con người
 - vừa là linh hồn vừa là thể xác
 - vừa là nhân tính vừa là thân xác phục sinh
 - vừa ngôi vị Thiên Chúa vừa ngôi vị con người
 - vừa linh hồn vừa thiên tính
23. Yếu tố chính yếu của bí tích Hoà giải là _____
- hành vi xưng thú tội lỗi của hối nhân.
 - lắng nghe lời khuyên bảo của vị linh mục và làm việc đền tội đầy đủ.
 - lời xá giải của vị linh mục, ban ơn tha thứ và giao hoà.
 - Cả a, b và c.
 - Cả a và c.
24. Mọi tín hữu cần lãnh bí tích Xức dầu, khi _____
- bắt đầu lâm cơn nguy tử do bệnh tật hay già yếu.
 - đi đường xa xôi, có thể gặp những bất trắc.
 - nhập viện để chữa trị bệnh tật.
 - Cả b và c.
 - Cả a, b và c.
25. Trong việc thực thi thừa tác vụ thánh, các tư tế, tức giám mục và linh mục nói và làm _____
- do thẩm quyền riêng tư và đạo đức cá nhân.
 - do sự uỷ thác của cộng đoàn.
 - trong cương vị của Đức Kitô-Thủ lãnh và nhân danh Hội thánh.
 - Cả b và c.
 - Cả a, b và c.
26. Các tội nghịch lại bí tích Hôn nhân cách nghiêm trọng là _____
- ngoại tình, đa thê.
 - từ chối sinh con, ly dị.
 - ly thân vì những hoàn cảnh đặc biệt.
 - Cả a và b.
 - Cả a, b và c.

PHẦN III. LUÂN LÝ (12 câu – 24 điểm)

27. Mở đầu bài giảng trên núi, Đức Kitô đã long trọng công bố _____ là con đường đưa tới hạnh phúc vĩnh cửu.
- Mười Điều Răn
 - các Mối Phúc
 - các lời khuyên Tin Mừng
 - Cả a và b
 - Cả a, b và c
28. Tự do gắn liền với phẩm giá con người, vì thế quyền sử dụng tự do của con người phải _____
- đôi tượng và ý hướng tốt, còn các hoàn cảnh không cần xét đến.
 - luôn được tôn trọng, đặc biệt trong lãnh vực _____
 - dân sự và xã hội.
 - giáo dục và gia đình.
 - luân lý và tôn giáo.
 - Cả a và b.
 - Cả a, b và c.
29. Xét về phương diện luân lý, hành vi tốt phải có _____
- đối tượng và ý hướng tốt, còn các hoàn cảnh không cần xét đến.

- b. ý hướng tốt và hoàn cảnh tốt, còn đối tượng không cần xét đến.
- c. ý hướng tốt, còn đối tượng và hoàn cảnh chỉ là phụ thuộc.
- d. cùng lúc đối tượng, ý hướng và các hoàn cảnh đều tốt.
- e. đối tượng tốt, còn ý hướng và hoàn cảnh chỉ là phụ thuộc
- 30.** Các nhân đức đối thần, – được phú bẩm trong con người cùng với _____, là những nhân đức có _____ là nguồn gốc, động lực và đối tượng trực tiếp.
- đặc sủng/ giáo huấn của Chúa Giêsu
 - ân sủng thánh hoá/ chính Thiên Chúa
 - ân huệ thiêng liêng/ Kinh Tin Kính
 - Cả a và b.
 - Cả a, b và c.
- 31.** _____ là một sự xúc phạm đến Thiên Chúa, không vâng phục tình yêu và lề luật của Người.
- Tội
 - Đam mê
 - Những thói quen vô bổ
 - Cả a và b.
 - Cả a, b và c.
- 32.** Chúng ta gặp được Luật Mới hay Luật Tin Mừng trong
- cuộc đời và lời rao giảng của Đức Kitô
 - giáo huấn luân lý của các Tông đồ
 - Bài Giảng Trên Núi
 - Cả a và c.
 - Cả a, b và c.
- 33.** Công phúc là điều đem lại quyền được thưởng cho một hành động tốt. Công phúc của những việc lành được quyết định _____
- do lý trí phán đoán theo lương tâm và ý chí tự do của con người.
 - do ân sủng nhưng không của Thiên Chúa, còn cố gắng của con người không thực sự cần thiết.
 - trước hết do ý chí tự do của con người, thứ đến do ân sủng của Thiên Chúa.
 - trước hết do ân sủng của Thiên Chúa, thứ đến mới do ý chí tự do của con người.
 - Cả a và c.
- 34.** *Mười điều răn* có nghĩa là “mười lời”, là bản tóm tắt Lề luật do Thiên Chúa ban cho dân Israel qua trung gian ông Môsê trong bối cảnh _____
- dân Chúa vượt qua Biển Đỏ.
 - dân Chúa trở về sau lưu đày ở Babylon.
 - của Giao Ước Sinai.
 - của việc chiếm Đất Hứa.
 - Cả a và d.
- 35.** “*Người không được có thần nào khác đối nghịch với Ta*” (Xh 20,2). Lệnh truyền này cấm: _____
- thờ ngẫu tượng, đa thần, mê tín.
 - lộng ngôn, thể gian, bội thể.
 - vô đạo, vô tín, lãnh đạm tôn giáo.
 - Cả a và c.
 - Cả a, b và c.
- 36.** Lệnh truyền: “*Người không được giết người vô tội và người công chính*” (Xh 23,7) cấm những hành vi xâm phạm phẩm giá con người, chẳng hạn như _____
- Cả b và c.
 - giết người, phá thai, tự sát, an tử.
 - bắt cóc, bạo lực, khủng bố, tra tấn.
 - tham gia chiến tranh, hiến tặng các bộ phận khi vẫn còn sống.
 - Cả b, c và d.
- 37.** Điều nào dưới đây không bàn đến trong Điều răn thứ bảy?
- Phân phối của cải xã hội, quyền tư hữu.
 - Tôn trọng đời tư, gia đình và bí mật nghề nghiệp.
 - Lao động, công bằng, liên đới xã hội.
 - Tham gia vào đời sống chính trị và xã hội.
 - Đối xử đúng mực với sinh vật và môi trường.
- 38.** Điều nào cần loại bỏ khỏi câu dưới đây? Điều răn thứ mười cấm _____
- tham lam, ao ước chiếm đoạt tài sản của người khác.
 - ao ước giàu sang, vì nhiều của cải dễ làm con người xa Thiên Chúa.
 - ganh tị, buồn phiền khi thấy người khác có tài sản.
 - Cả a và c.
 - Cả b và c.

PHẦN IV. KINH NGUYỆN KITÔ GIÁO (12 câu – 24 điểm)

39. Cầu nguyện là _____
- nâng tâm hồn lên cùng Thiên Chúa.
 - cầu xin Thiên Chúa ban những điều theo ước muốn của ta.
 - cầu xin Thiên Chúa ban cho ta những ơn lành phù hợp với thánh ý Người.
 - Cả a và c.
 - Cả a, b và c.
40. Ông Ápraham là gương cầu nguyện trong Cựu Ước, bởi vì ông _____
- luôn biết lắng nghe và tuân phục Thiên Chúa.
 - vẫn xác tín vào Thiên Chúa, ngay cả khi bị thử thách.
 - đã dám chuyển cầu cho những kẻ tội lỗi với lòng tin tưởng bạo dạn.
 - Cả a và b.
 - Cả a, b và c.
41. Điểm nào trong câu dưới đây phải loại bỏ?
Nhờ cầu nguyện, các ngôn sứ _____
- sống trong sự thân mật với Thiên Chúa.
 - tránh được bách hại của những kẻ chống đối.
 - chuyển cầu cho dân Chúa để họ biết tin tưởng vào Thiên Chúa và hoán cải tâm hồn.
 - tìm được ánh sáng và sức mạnh để truyền đạt Lời Thiên Chúa cho dân.
 - Cả c và d.
42. _____, các Thánh Vịnh ca ngợi những kỳ công của Thiên Chúa trong công trình tạo dựng và trong lịch sử cứu độ.
- Lời Thiên Chúa trở thành lời cầu nguyện của con người
 - Lời cầu nguyện của con người trở thành Lời Thiên Chúa
 - Lời cầu nguyện do vua Đavít và các ngôn sứ sáng tác
 - Cả a và c
 - Cả a, b và c
43. _____, Đức Giêsu trong nhân tính, thường xuyên cầu nguyện với Chúa Cha, đặc biệt vào những thời điểm quyết định cho sứ vụ của Người.
- là Ngôi Lời vĩnh cửu
 - không cần học cầu nguyện vì là Con Thiên Chúa
 - học cầu nguyện từ Mẹ Maria và truyền thống Do Thái
 - học cầu nguyện theo hướng dẫn của các Rápbi Do Thái
 - Cả a và b.
44. Trong thời Tân Ước, Hội thánh cầu nguyện theo mẫu gương và giáo huấn của Chúa Giêsu, và _____, là bậc Thầy nội tâm dạy các tín hữu cầu nguyện.
- dưới sự hướng dẫn của Hội Thánh
 - dưới thúc đẩy của Chúa Thánh Thần
 - theo truyền thống linh đạo của các thánh
 - Cả a và c
45. Kinh *Magnificat* là lời ca tụng _____, là lời hân hoan cảm tạ xuất phát từ tâm hồn của những người nghèo khó, vì lời hứa cứu độ của Thiên Chúa đã trở thành hiện thực.
- của Đức Maria và của bà Êlisabét
 - của Chúa Giêsu và của Đức Maria
 - của Đức Maria và của Hội thánh
 - của Chúa Giêsu và của Hội thánh
 - Cả a và d.
46. Các hình thức chính yếu của kinh nguyện Kitô giáo là: chúc tụng, thờ lạy, xin ơn, chuyển cầu, tạ ơn và ca ngợi. _____ chứa đựng và diễn tả tất cả các hình thức cầu nguyện này.
- Kinh Lạy Cha
 - Kinh đọc hằng ngày
 - Lời cầu nguyện của những người đạo đức
 - Thánh lễ
 - cả c và d.
47. Hội thánh có những con đường cầu nguyện khác nhau _____
- do chính Chúa Giêsu chỉ dạy cho các môn đệ.
 - tùy theo hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá, ngôn ngữ.
 - được huấn quyền phân định và xác nhận là phù hợp với truyền thống đức tin tông truyền.

- d. phát xuất từ lòng đạo đức của các tín hữu.
e. Cả b và c.
48. Các hình thức chính yếu của cầu nguyện được truyền thống Kitô giáo lưu giữ là _____
a. khẩu nguyện, ca nguyện và diễn nguyện.
b. khẩu nguyện, suy niệm và chiêm niệm.
c. suy niệm, ca nguyện và diễn nguyện.
d. khẩu nguyện, suy niệm, ca nguyện và diễn nguyện.
e. suy niệm, chiêm niệm, ca nguyện, diễn nguyện.
49. Mở đầu Kinh Lạy Cha, chúng ta thưa: Lạy Cha chúng con ở trên trời. Từ ngữ “ở trên trời” diễn tả _____
a. một vị trí trên không trung, nơi Thiên Chúa ngự.
b. Thiên Chúa hiện hữu vượt xa hơn và vượt trên tất cả.
c. sự uy nghi, thánh thiện của Thiên Chúa.
d. Cả b và c.
e. Cả a, b và c.
50. Khi đọc “Ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời”, chúng ta cầu xin _____
a. Chúa Cha liên kết ý muốn của chúng ta với ý muốn của Chúa Giêsu.
b. ý định yêu thương của Chúa Cha được thực hiện trọn vẹn.
c. Chúa Cha làm cho ước muốn của chúng ta trở thành hiện thực.
d. Cả a và b
e. Cả a, b và c

*TỪ KHỞI SỰ CHO ĐẾN HOÀN THÀNH,
ĐỂU NHỜ BỞI ƠN CHÚA. AMEN.*

Đáp án: 1d 2c 3b 4d 5e 6d 7b 8c 9e 10a 11d 12b 13a 14b 15c 16c 17d 18e 19b 20a 21c
22a 23e 24a 25c 26d 27b 28c 29d 30b 31a 32e 33d 34c 35d 36a 37b 38b 39d 40e 41b
42a 43c 44b 45c 46d 47e 48b 49d 50d